TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST
Ngày 07-8-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tạ Văn Tuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh; bà Trịnh Thị Yến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 07/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị Th - sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện N, tỉnh T - có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Mai Thị G -sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 2, xã Tr, huyện N, tỉnh T - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chị Mai Thị Th trình bày: Do có quan hệ quen biết, ngày 09/10/2018 (âm lịch), tức ngày 15/11/2018 (dương lịch), vợ chồng chị G, anh M có vay chị số tiền 5.000.000đ, hẹn đến ngày 15/12/2018 (dương lịch) sẽ trả. Ngày 14/10/2018 (âm lịch) tức ngày 20/11/2018 (dương lịch). Vợ chồng chị G, anh M tiếp tục vay chị số tiền 50.000.000đ để đảo sổ ngân hàng hẹn đến ngày 14/11/2018 (âm lịch) tức ngày 20/12/2018 (dương lịch) sẽ trả. Ngày 28/10/2018 (âm lịch) tức ngày 04/12/2018 (dương lịch), vợ chồng chị G, anh M tiếp tục vay chị số tiền 25.000.000đ để đảo sổ ngân hàng, hẹn đến ngày 28/12/2018 (âm lịch) tức ngày 02/02/2019 (dương lịch) sẽ trả. Ngày 11/01/2019 (dương lịch) chị G, anh M tiếp tục vay chị số tiền 4.000.000đ, hẹn đến ngày 11/02/2019 (dương lịch) sẽ trả. Tổng số tiền chị G, anh M vay của chị (bằng bốn lần như trên) là 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng). Đến các lần hẹn trả nợ, chị có yêu cầu chị G, anh M phải trả số tiền này nhưng vợ chồng chị G không chịu trả. Chị đã

nhiều lần đến nhà, yêu cầu trả nợ nhưng chị G, anh M hẹn hết ngày này đến ngày khác không trả mà còn có ý dây dưa, trốn tránh không trả nợ cho chị. Nay chị yêu cầu Tòa án buộc chị Mai Thị G và anh Mai Văn M phải trả cho chị tổng số tiền nợ gốc là 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng); tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 11/01/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

* Ý kiến của bị đơn chị Mai Thị G trình bày: Chị thừa nhận có vay tiền của chị Mai Thị Th, vay 04 lần, cụ thể số tiền trong bốn hợp đồng cho vay tiền mà chị Th đã giao nộp cho Tòa Án với tổng số tiền 84.000.000đ. Nay chị Th khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chị phải trả số tiền nợ gốc là 84.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật, chị không đồng ý. Vì các lần vay tiền này, chị đã trả lãi ngày 5%/ngày, cứ trả xong lần này (cả gốc và lãi) mới vay lần sau, nhưng chị Th không trừ và không gạch hợp đồng cho vay tiền cho chị. Nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Quá trình giải quyết vụ án: Đối với bị đơn chị Mai Thị G, Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị G vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, tại bản tự khai chị G thừa nhận có vay tiền của chị Mai Thị Th, vay 04 lần, cụ thể số tiền trong bốn hợp đồng cho vay tiền mà chị Th đã giao nộp cho Tòa án với tổng số tiền 84.000.000đ.

Mặc dù chị G được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Mai Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu chị G phải trả số tiền gốc là 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng); tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 11/01/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Đối với bị đơn chị G, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Mai Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị và chị Mai Thị G. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Xét ý kiến của nguyên đơn: Do có quan hệ quen biết nên chị Th cho chị G vay bốn lần tiền để giải quyết công việc, đảo sổ ngân hàng cụ thể:, ngày 09/10/2018 (âm lịch), tức ngày 15/11/2018 (dương lịch), chị G có vay chị số tiền 5.000.000đ. Ngày 14/10/2018 (âm lịch) tức ngày 20/11/2018 (dương lịch) chị G

tiếp tục vay chị số tiền 50.000.000đ. Ngày 28/10/2018 (âm lịch) tức ngày 04/12/2018 (dương lịch), chị G tiếp tục vay chị số tiền 25.000.000đ. Ngày 11/01/2019 (dương lịch) chị G tiếp tục vay chị số tiền 4.000.000đ. Tổng số tiền chị G vay của chị (bằng bốn lần như trên) là 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng)

Khởi kiện tại Tòa án chị Th đã xuất trình 04 hợp đồng cho vay tiền, tổng số tiền phù hợp như nội dung đơn khởi kiện. Các hợp đồng cho vay tiền đều có ký xác nhận của bên vay, cùng điểm chỉ và chữ viết của chị G.

Đối với hợp đồng cho vay tiền ngày 14/10/2018 (âm lịch) có nội dung "Bà Mai Thị Th đồng ý cho ông Mai Văn M và vợ là bà Mai Thị G vay số tiền 50.000.000đ", chị Th trình bày: Khi vay tiền chính chị G là người trực tiếp viết các hợp đồng cho vay tiền, một mình chị G tự ký tên, điểm chỉ và nhận tiền. Việc chồng chị G là anh Mai Văn M có biết được chị G vay tiền của chị hay không thì chị không rõ. Hợp đồng này không có chữ ký của anh M, chị G là người trực tiếp giao dịch, trực tiếp viết, ký tên, điểm chỉ trong hợp đồng cho vay tiền và là người nhận tiền vay từ chị Th. Chị Th đề nghị đưa anh M (chồng chị G) ra khỏi vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tại bản tự khai ngày 11/6/2020 của chị Mai Thị G khẳng định: Những lần vay tiền này chỉ có một mình chị đứng ra giao dịch với chị Th, chị là người trực tiếp viết hợp đồng cho vay tiền, trực tiếp ký nhận tiền, chồng chị- anh Mai Văn M không biết, không liên quan, đến việc vay mượn này. Chị đề nghị Tòa án đưa anh M ra khỏi vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại bản tự khai, ngày 11/6/2020 của anh Mai Văn M khẳng định: Việc vay này chỉ có vợ anh và bà Th đứng ra giao dịch với nhau. Bà Th và vợ anh lén lút giấu anh, anh không biết và không liên quan đến việc vay mượn này. Anh M đề nghị Tòa án đưa anh ra khỏi vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, hợp đồng cho vay tiền ngày 14/10/2018 (âm lịch) và cả 03 hợp đồng cho vay tiền còn lại tuy có tên anh M nhưng chỉ có mình chị G giao dịch với chị Th nên anh Mai Văn M không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hạn vay quá hạn đã lâu, nhiều lần chị Th yêu cầu chị G trả nợ nhưng chị G không trả, chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị G phải trả cho chị trả số tiền gốc là 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng); tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 11/01/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của bị đơn chị Mai Thị G: Chị thừa nhận có vay tiền của chị Mai Thị Th, vay 04 lần, cụ thể số tiền trong bốn hợp đồng cho vay tiền mà chị Th đã giao nộp cho Tòa án với tổng số tiền 84.000.000đ. Nay chị Th khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chị phải trả số tiền nợ gốc là 84.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật, chị không đồng ý. Vì các lần vay tiền này, chị đã trả lãi ngày

5%/ngày, cứ trả xong lần này (cả gốc và lãi) mới vay lần sau, nhưng chị Th không trừ và không gạch hợp đồng cho vay tiền cho chị

HĐXX nhận thấy: Trong 04 hợp đồng cho vay tiền, chị G thừa nhận là người trực tiếp viết, trong hợp đồng thể hiện ngày, tháng năm vay tiền và thời hạn trả nợ; trong hợp đồng không thể hiện lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị G cố tình vắng mặt, chị cũng không xuất trình tài liệu, giấy tờ thể hiện việc chị trả nợ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần xử buộc chị G phải trả lại cho chị Th số tiền nợ gốc là 84.000.000đ, lãi suất 1%/tháng trên tổng số tiền nợ gốc tính từ ngày 11/01/2019 cho đến ngày 07/8/2020 là: 84.000.000đ x 18 tháng 27 ngày.

Cụ thể là 84.000.000đ x 1% x 18 tháng = 15.120.000đ.

(84.000.000đ x1%): 30 ngày = 84.000đ/ngày x 27 ngày = 756.000đ, tổng lãi là: 15.120.000đ + 756.000đ = 15.876.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi là: 84.000.000đ + 15.876.000đ = 99.876.000đ (chín mươi chín triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[4] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Th, buộc chị Mai Thị G phải trả cho chị Th số tiền gốc là 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng) và số tiền lãi là 15.876.000đ (mười lăm triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn), tổng cộng là 99.876.000đ (chín mươi chín triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Chị Mai Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.993.000 đồng (bốn triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Trả lại cho chị Mai Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

số AA/2019/0010774 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn.

Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tạ Văn Tuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Yến **Nguyễn Văn Hạnh** **Tạ Văn Tuyển**